

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-28
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 82/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/02/2008, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 13/GPĐC-UBCK ngày 14/02/2011, số 50/GPĐC-UBCK ngày 26/08/2011 và số 51/GPĐC-UBCK ngày 18/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 7 + 9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Loan	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Chung	Ủy viên	
Ông Phạm Quý Trọng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Ủy viên	
Ông Ngô Quang Trung	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 28/04/2014)
Ông Trần Kiên Cường	Ủy viên	(Bỏ nhiệm ngày 28/04/2014)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Loan	Tổng giám đốc
Ông Ngô Quang Trung	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Lan	Trưởng ban
Bà Đào Thị Thơm	Ủy viên
Bà Phạm Thị Sen	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH
Số 46-48 Bà Triệu - Hàng Bài - Hoàn Kiếm - Hà Nội

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Loan





Số: 1256/2014/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính rằng tại thời điểm 30/06/2014, Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết do không có cơ sở xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu này và không trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn do Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của đơn vị nhận vốn góp.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0285-2013-002-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Diệu Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0938-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		254.008.965.222	248.876.046.165
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	149.041.322.957	141.155.472.477
111	1. Tiền		149.041.322.957	141.155.472.477
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	3.066.837.666	4.390.200.740
121	1. Đầu tư ngắn hạn		3.074.976.402	7.499.319.532
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(8.138.736)	(3.109.118.792)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	93.056.053.748	94.354.138.126
131	1. Phải thu của khách hàng		12.547.053.748	14.354.138.126
132	2. Trả trước cho người bán		80.000.000.000	80.000.000.000
138	5. Các khoản phải thu khác		509.000.000	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.844.750.851	8.976.234.822
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	245.000.000	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		8.593.845.371	8.942.553.511
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		5.905.480	33.681.311
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		122.089.502.122	125.237.922.413
220	II. Tài sản cố định		393.836.142	532.837.134
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	393.836.142	532.837.134
222	- Nguyên giá		15.970.989.107	15.970.989.107
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.577.152.965)	(15.438.151.973)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228	- Nguyên giá		11.620.036.470	11.620.036.470
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.620.036.470)	(11.620.036.470)
240	III. Bất động sản đầu tư	10	61.195.594.577	64.090.664.909
241	- Nguyên giá		69.880.805.573	69.880.805.573
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.685.210.996)	(5.790.140.664)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	52.940.000.000	52.940.000.000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		52.940.000.000	52.940.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.560.071.403	7.674.420.370
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	67.440.161	181.789.128
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	13	6.530.231.242	6.530.231.242
268	4. Tài sản dài hạn khác	14	962.400.000	962.400.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		376.098.467.344	374.113.968.578

11/7/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		7.133.574.600	5.254.015.151
310	I. Nợ ngắn hạn		7.133.574.600	5.254.015.151
312	2. Phải trả người bán		-	16.500.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	890.072.225	502.883.228
315	5. Phải trả người lao động		317.978.484	392.225.408
316	6. Chi phí phải trả	16	2.951.179.097	2.603.089.025
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	2.883.431.015	1.739.317.490
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	83.733.338	-
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.180.441	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		368.964.892.744	368.859.953.427
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	368.964.892.744	368.859.953.427
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		329.999.800.000	329.999.800.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		3.460.127.520	3.460.127.520
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		3.460.127.520	3.460.127.520
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		32.044.837.704	31.939.898.387
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>376.098.467.344</u>	<u>374.113.968.578</u>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
006	6. Chứng khoán lưu ký		641.022.240.000	784.510.610.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		541.497.040.000	721.140.390.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		65.960.000	2.419.870.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		541.431.080.000	718.720.520.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		19.660.240.000	46.660.240.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		19.660.240.000	46.660.240.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		38.517.870.000	-
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		38.517.870.000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		35.667.300.000	5.058.800.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		35.667.300.000	5.058.800.000
032	6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút		-	11.390.000.000
034	- Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước		-	11.390.000.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		5.679.790.000	261.180.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		5.679.790.000	261.180.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		7.144.430.000	2.765.700.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		7.144.430.000	2.765.700.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		700.000	-
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		7.143.730.000	2.765.700.000

5 - C
CÔNG TY
CƠ HỮU
KIỂM T
AS
N KIẾ

Người lập



Nguyễn Văn Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Dung

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Loan

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	
			2014 VND	2013 VND
01	1. Doanh thu về hoạt động kinh doanh	20	7.508.248.811	11.551.855.019
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		1.807.093.036	465.226.054
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		2.152.789.896	7.008.428.715
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		9.090.909	30.000.000
01.8	Thu cho thuê sử dụng tài sản		3.477.990.494	3.294.655.850
01.9	Doanh thu lãi tiền gửi		61.284.476	753.544.400
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	20	7.508.248.811	11.551.855.019
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	4.982.824.188	7.378.849.250
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		2.525.424.623	4.173.005.769
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	2.413.304.865	4.047.863.150
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		112.119.758	125.142.619
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		112.119.758	125.142.619
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>112.119.758</u>	<u>125.142.619</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	-	-

Người lập

Nguyễn Văn Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dung

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Loan



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	
			2014	2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		112.119.758	125.142.619
02	- Khấu hao tài sản cố định		3.034.071.324	5.215.353.089
03	- Các khoản dự phòng		(3.100.980.056)	(180.914.960)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.061.903.156)	(7.761.973.115)
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(2.016.692.130)	(2.602.392.367)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.183.568.349	(79.756.700.753)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại		4.424.343.130	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.872.379.008	(1.740.502.521)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(130.651.033)	138.308.653
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		6.332.947.324	(83.961.286.988)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(29.816.500)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.552.903.156	4.684.665.651
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.552.903.156	4.654.849.151
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		7.885.850.480	(79.306.437.837)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		141.155.472.477	229.207.226.267
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>149.041.322.957</u>	<u>149.900.788.430</u>

Người lập



Nguyễn Văn Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Dung

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Loan

M.S.D.N. - 010...

Hàng Bài - Hoàn Kiếm - Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

6 tháng đầu năm 2014	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	329.999.800.000	-	-	329.999.800.000
Vốn khác của chủ sở hữu	3.460.127.520	-	-	3.460.127.520
Quỹ dự phòng tài chính	3.460.127.520	-	-	3.460.127.520
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	31.939.898.387	112.119.758	(7.180.441)	32.044.837.704
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	368.859.953.427	112.119.758	(7.180.441)	368.964.892.744

6 tháng đầu năm 2013	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	329.999.800.000	-	-	329.999.800.000
Vốn khác của chủ sở hữu	3.445.766.637	-	-	3.445.766.637
Quỹ dự phòng tài chính	3.445.766.637	-	-	3.445.766.637
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	31.681.402.489	125.142.619	-	31.806.545.108
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	368.572.735.763	125.142.619	-	368.697.878.382

Người lập

Nguyễn Văn Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dung

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Loan

1110
CÔNG
CH NHỆ
ANG K
A
HOÀN

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.7 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 năm



2.8 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, Tín phiếu kho bạc, Tiền gửi Ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.10 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CHỐT
CỔ
TRẠCH
HÀNH
HOA
1
1
1
1
1
1
1
1

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

1105
CÔNG TY
HIỂM HỮU
KIỂM
SAS
KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Số 46-48 Bà Triệu - Hàng Bài - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỶ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
	VND	
Của Công ty Chứng khoán	240.530	2.118.623.000
- Cổ phiếu	240.530	2.118.623.000
Của người đầu tư	74.042.998	768.077.209.500
- Cổ phiếu	74.042.998	768.077.209.500
	<u>74.283.528</u>	<u>770.195.832.500</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	
Tiền mặt tại quỹ	851.378.511	91.122.431
Tiền gửi ngân hàng	145.492.951.744	140.280.972.709
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	2.696.992.702	783.377.337
	<u>149.041.322.957</u>	<u>141.155.472.477</u>



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN
Tinh hình đầu tư chứng khoán thương mại

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị trước		Giảm so với giá trị trước		Tổng giá trị theo giá trị trước	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	1.385	241.909	23.503.502	4.447.846.632	4.492.234	120.068.860	(8.138.736)	(3.107.629.892)	19.857.000	1.460.285.600
- ACB	69	269	1.462.479	5.701.548	-	-	(399.879)	(1.505.148)	1.062.600	4.196.400
- MCO	-	5.000	-	93.000.000	-	-	-	(76.000.000)	-	17.000.000
- SVC	4	4	126.000	126.000	-	-	(64.800)	(66.000)	61.200	60.000
- S74	-	45.500	-	997.500.000	-	-	-	(501.550.000)	-	495.950.000
- TLH	4	15.314	-	-	35.600	114.855.000	-	-	35.600	114.855.000
- AGR	6	6	62.100	62.100	-	-	(20.100)	(33.300)	42.000	28.800
- CSC	34	134	529.380	2.086.380	-	-	(216.580)	(853.580)	312.800	1.232.800
- CT6	69	69	743.400	743.400	-	-	(170.700)	(350.100)	572.700	393.300
- CTD	3	3	170.100	170.100	14.400	14.400	-	(18.600)	184.500	151.500
- CTG	10	10	132.480	132.480	12.520	29.520	-	-	145.000	162.000
- DC4	40	40	432.000	432.000	-	-	(92.000)	(148.000)	340.000	284.000
- DIG	5	5	150.750	150.750	-	-	(71.750)	(88.750)	79.000	62.000
- DRG	9	9	117.360	117.360	337.140	233.640	-	-	454.500	351.000
- DRC	3	3	186.300	186.300	-	-	(46.500)	(45.000)	139.800	141.300
- FPT	3	3	186.300	186.300	-	-	-	-	139.800	141.300
- GTA	1	1	8.190	8.190	2.410	2.910	-	-	10.600	11.100
- HAP	4	21	29.040	174.240	5.760	-	-	(35.640)	34.800	138.600
- HBS	200	200	2.844.000	2.844.000	-	-	(1.624.000)	(1.904.000)	1.220.000	940.000
- HDC	8	8	207.900	207.900	-	-	(28.700)	(57.500)	179.200	150.400
- ICG	6	206	88.020	3.022.020	-	-	(37.620)	(1.724.220)	50.400	1.297.800
- ITA	22	22	192.960	192.960	-	-	(16.960)	(47.760)	176.000	145.200
- ITC	2	2	31.140	31.140	-	-	(15.740)	(15.740)	15.400	15.400
- KBC	5	5	123.300	123.300	-	-	(67.300)	(74.300)	56.000	49.000
- KDC	6	6	221.850	221.850	138.150	84.150	-	-	360.000	306.000
- KLS	-	200	-	2.106.000	-	-	-	(366.000)	-	1.740.000
- L18	50	50	1.008.000	1.008.000	-	-	(493.000)	(528.000)	515.000	480.000
- MAC	30	27	201.690	201.690	-	-	(18.690)	(66.690)	183.000	135.000
- NAG	22	22	183.600	183.600	-	-	(67.000)	(124.200)	116.600	59.400
- NSC	10	10	257.580	257.580	527.420	512.420	-	-	785.000	770.000
- PET	5	5	69.300	69.300	19.200	34.700	-	-	88.500	104.000
- PLC	78	178	1.591.410	3.631.680	-	-	(148.410)	(427.680)	1.443.000	3.204.000
- PTL	8	8	77.040	77.040	-	-	(53.040)	(53.840)	24.000	23.200
- PVA	-	100	-	678.600	-	-	-	(348.600)	-	330.000
- PVC	-	200	-	3.151.800	-	-	-	(291.800)	-	2.860.000
- PVD	6	6	249.600	249.600	245.400	116.400	-	-	495.000	366.000
- PVI	30	230	440.100	3.374.100	144.900	834.900	-	-	585.000	4.209.000
- PVS	12	112	181.286	1.692.000	170.314	548.000	-	-	351.600	2.240.000
- PVX	81	681	1.320.015	11.097.900	-	-	(971.715)	(9.123.000)	348.300	1.974.900
- PXT	5	5	44.100	44.100	-	-	(26.100)	(27.100)	18.000	17.000
- SDA	3	103	40.128	1.377.720	-	-	(23.328)	(615.520)	16.800	762.200



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHÍNH NGÂN HẠN
Tinh hình đầu tư chứng khoán thương mại

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- SHN	80		1.029.600	1.029.600	-	-	(669.600)	(765.600)	360.000	264.000
- SMC	3		58.590	58.590	-	-	(29.490)	(21.090)	29.100	37.500
- SRC	10		131.220	131.220	84.780	63.780	-	-	216.000	195.000
- STB	91		875.000	875.000	999.600	690.200	-	-	1.874.600	1.565.200
- TKC	36		448.470	448.470	-	-	(264.870)	(315.270)	183.600	133.200
- TKU	30		270.000	270.000	-	-	(6.000)	(31.360)	264.000	315.000
- TS4	6		88.560	88.560	-	-	(29.760)	(31.360)	58.800	57.000
- VC2	96		3.285.744	3.285.744	-	-	(1.941.744)	(2.296.944)	1.344.000	988.800
- VCB	20		502.200	502.200	21.800	33.800	-	-	524.000	536.000
- VIC	33		987.790	987.790	1.124.210	1.322.210	-	-	2.112.000	2.310.000
- VMD	36		900.720	900.720	-	-	(324.720)	(457.920)	576.000	442.800
- VND	40		572.400	2.003.400	83.600	-	-	(561.400)	656.000	1.442.000
- VNE	6		49.680	49.680	-	-	(11.280)	(9.480)	38.400	40.200
- VNS	20		398.250	398.250	489.750	631.750	-	-	888.000	1.030.000
- VPH	14		248.040	248.040	-	-	(131.840)	(129.040)	116.200	119.000
- VPL	-		-	-	-	-	-	-	-	-
- VSH	6		58.320	58.320	35.280	30.480	-	-	93.600	88.800
- VST	8		76.320	76.320	-	-	(55.520)	(51.520)	20.800	24.800
- VPT	-		-	-	-	-	-	(2.506.500.000)	-	793.500.000
CỔ PHIẾU CHƯA NIÊM YẾT	258.078	258.078	3.051.472.900	3.051.472.900	-	-	-	(1.488.900)	-	224.000
- ABB (*)	10.000		93.600.000	93.600.000	-	-	-	-	-	-
- VFC (*)	8		106.400	106.400	-	-	-	(106.400)	-	-
- Quý An Phú (*)	248.000		2.956.160.000	2.956.160.000	-	-	-	-	-	-
- S96 (*)	70		1.606.500	1.606.500	-	-	-	(1.382.500)	-	224.000
TỔNG CỘNG	259.463	499.987	3.074.976.402	7.499.319.532	4.492.234	120.068.860	(8.138.736)	(3.109.118.792)	19.857.000	1.460.509.600

(*) Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, dự phòng giảm giá chứng khoán chưa được trích lập do chưa xác định được giá trị trường của các cổ phiếu này. Năm 2013, mã cổ phiếu S96 đang được ghi nhận trên cổ phiếu niêm yết. Năm 2014, mã chứng khoán này đã bị hủy niêm yết.



6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng	12.547.053.748	14.354.138.126
Ứng trước tiền bán chứng khoán trước ngày T+3	2.440.437.862	2.182.966.915
Phải thu về cho vay ký quỹ chứng khoán	9.224.630.625	12.082.019.336
Phải thu lãi cho vay ký quỹ chứng khoán	-	61.633.857
Phải thu về cho thuê văn phòng	881.985.261	27.518.018
Trả trước cho người bán (i)	80.000.000.000	80.000.000.000
Các khoản phải thu khác	509.000.000	-
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	509.000.000	-
	93.056.053.748	94.354.138.126

Ghi chú

(i): Số dư trả trước cho người bán tại 30/06/2014 là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Hệ Thống Trê theo Hợp đồng thuê mua văn phòng tại địa chỉ 46-48 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Do đến 30/06/2014 tòa nhà chưa hoàn thành nên hai bên chưa ký kết Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng.

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phí quản lý thành viên của Sở giao dịch chứng khoán, phí quản lý niêm yết, phí sử dụng thiết bị 6 tháng cuối năm 2014	143.000.000	-
Phí dịch vụ 6 tháng cuối năm 2014	72.000.000	-
Phí quản lý thành viên của Trung tâm Lưu ký chứng khoán 6 tháng cuối năm 2014	20.000.000	-
Phí quản lý niêm yết 6 tháng cuối năm 2014	10.000.000	-
	245.000.000	-

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	12.178.171.307	2.612.291.901	1.180.525.899	15.970.989.107
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	12.178.171.307	2.612.291.901	1.180.525.899	15.970.989.107
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	12.178.171.307	2.079.454.767	1.180.525.899	15.438.151.973
Số tăng trong kỳ	-	139.000.992	-	139.000.992
- Trích khấu hao	-	139.000.992	-	139.000.992
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	12.178.171.307	2.218.455.759	1.180.525.899	15.577.152.965
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	-	532.837.134	-	532.837.134
Tại ngày cuối kỳ	-	393.836.142	-	393.836.142

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Số 46-48 Bà Triệu - Hàng Bài - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.302.977.207 VND

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	10.942.481.650	677.554.820	11.620.036.470
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	10.942.481.650	677.554.820	11.620.036.470
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	10.942.481.650	677.554.820	11.620.036.470
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	10.942.481.650	677.554.820	11.620.036.470
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-

10 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	46.853.282.129	23.027.523.444	69.880.805.573
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	46.853.282.129	23.027.523.444	69.880.805.573
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.952.220.090	3.837.920.574	5.790.140.664
Số tăng trong kỳ	976.110.045	1.918.960.287	2.895.070.332
- Trích khấu hao	976.110.045	1.918.960.287	2.895.070.332
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.928.330.135	5.756.880.861	8.685.210.996
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	44.901.062.039	19.189.602.870	64.090.664.909
Tại ngày cuối kỳ	43.924.951.994	17.270.642.583	61.195.594.577

Ghi chú

Bất động sản đầu tư là một phần của tòa cao ốc văn phòng Vimedimex tại số 246 Công Quỳnh - Phường Phạm Ngũ Lão - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tài sản hình thành từ Hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng Vimedimex giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình và Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Bất động sản Vimedimex Hòa Bình.

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Vàng Quốc tế	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	2.940.000.000	2.940.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Số 46-48 Bà Triệu - Hàng Bài - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty vào ngày 30/06/2014 như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Vàng Quốc tế	TP Hà Nội	10,00%	10,00%	Dịch vụ tài chính
Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex	TP Hồ Chí Minh	1,47%	1,47%	Bất động sản

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Số dư đầu kỳ	181.789.128	482.565.784
Số tăng trong kỳ	-	72.474.502
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(114.348.967)	(295.886.398)
Số dư cuối kỳ	67.440.161	259.153.888
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	62.262.131	170.983.089
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.178.030	10.806.039
	67.440.161	181.789.128

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.795.592.981	4.795.592.981
Tiền lãi lũy kế	1.614.638.261	1.614.638.261
Số dư cuối kỳ	6.530.231.242	6.530.231.242

14 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Đặt cọc thuê văn phòng	962.400.000	962.400.000
	962.400.000	962.400.000

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.060.006	1.060.006
Thuế Thu nhập cá nhân	889.012.219	501.823.222
	890.072.225	502.883.228

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

111
CÔNG
H NHỊ
NG K
A
14/07/2014

2
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả tiền thuê văn phòng	2.704.099.633	1.946.523.875
Phải trả về chi phí tiền điện, điện thoại	119.079.464	150.000.000
Phí bảo trì phần mềm	128.000.000	506.565.150
	<u>2.951.179.097</u>	<u>2.603.089.025</u>

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	133.589.862	170.692.259
Bảo hiểm y tế	8.073.906	32.610.984
Bảo hiểm thất nghiệp	3.588.400	13.461.610
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.696.992.702	809.699.637
Trong đó:		
<i>Nhận ký quỹ ngắn hạn của nhà đầu tư</i>	2.696.992.702	783.377.337
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác</i>	-	26.322.300
Phải trả cổ tức hộ khách hàng	41.186.145	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	712.853.000
	<u>2.883.431.015</u>	<u>1.739.317.490</u>

18 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán	83.733.338	-
	<u>83.733.338</u>	<u>-</u>

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	4,67%	15.400.000.000	4,67%	15.400.000.000
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	2,40%	7.920.000.000	2,40%	7.920.000.000
Tổng Cty Đầu tư PT Nhà Hà Nội	3,79%	12.501.000.000	3,79%	12.501.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	89,14%	294.178.800.000	89,14%	294.178.800.000
	<u>100%</u>	<u>329.999.800.000</u>	<u>100%</u>	<u>329.999.800.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Số 46-48 Bà Triệu - Hàng Bài - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	329.999.800.000	329.999.800.000
- Vốn góp đầu kỳ	329.999.800.000	329.999.800.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	329.999.800.000	329.999.800.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/NQ-ĐHDCĐ ngày 28/04/2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Số tiền
	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	287.217.664
Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (i)	14.360.883
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (i)	14.360.883
Quỹ khen thưởng	4.308.265
Quỹ phúc lợi	2.872.176

Ghi chú

(i): Công ty đã tạm trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ trên Báo cáo tài chính năm 2013.

c) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.999.980	32.999.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.999.980	32.999.980
- Cổ phiếu phổ thông	32.999.980	32.999.980
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.999.980	32.999.980
- Cổ phiếu phổ thông	32.999.980	32.999.980
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	7.508.248.811	11.551.855.019
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.807.093.036	465.226.054
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.152.789.896	7.008.428.715
- Doanh thu hoạt động tư vấn	9.090.909	30.000.000
- Thu cho thuê sử dụng tài sản	3.477.990.494	3.294.655.850
- Doanh thu lãi tiền gửi	61.284.476	753.544.400
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	7.508.248.811	11.551.855.019

21 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.320.574.417	1.363.416.431
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.457.891.346	-
Chi phí dự phòng/hoàn nhập	(3.100.980.056)	(180.914.960)
Chi phí cho thuê sử dụng tài sản	2.895.070.332	2.895.070.332
Chi phí trực tiếp chung	1.410.268.149	3.301.277.447
	4.982.824.188	7.378.849.250

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	518.177.329	1.530.580.117
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	49.167.808	20.381.535
Chi phí khấu hao tài sản cố định	139.000.992	725.138.786
Thuế, phí và lệ phí	-	85.283.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.466.483.992	1.228.984.445
Chi phí khác bằng tiền	240.474.744	457.495.253
	2.413.304.865	4.047.863.150

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	112.119.758	125.142.619
Các khoản điều chỉnh tăng	36.000.000	120.000.000
- <i>Thu lao HĐQT</i>	36.000.000	120.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.000.618.680)	(7.008.428.715)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(2.000.618.680)	(7.008.428.715)
Tổng thu nhập tính thuế	(1.852.498.922)	(6.763.286.096)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.060.006	1.060.006
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	1.060.006	1.060.006

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	112.119.758	125.142.619
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	112.119.758	125.142.619
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	#VALUE!	#VALUE!

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.041.322.957	-	141.155.472.477	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.056.053.748	-	14.354.138.126	-
Đầu tư ngắn hạn	3.074.976.402	(8.138.736)	7.499.319.532	(3.109.118.792)
Đầu tư dài hạn	52.940.000.000	-	52.940.000.000	-
	<u>218.112.353.107</u>	<u>(8.138.736)</u>	<u>215.948.930.135</u>	<u>(3.109.118.792)</u>
			Giá trị số kế toán	
			30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả			2.951.179.097	2.603.089.025
Phải trả người bán, Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, Phải trả khác			2.967.164.353	1.755.817.490
			<u>5.918.343.450</u>	<u>4.358.906.515</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Trên 5 năm	Từ 1 năm trở xuống	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền		149.041.322.957	-	149.041.322.957
Phải thu khách hàng, Phải thu khác		13.056.053.748	-	13.056.053.748
Đầu tư ngắn hạn		3.066.837.666	-	3.066.837.666
Đầu tư dài hạn		-	52.940.000.000	52.940.000.000
	-	<u>165.164.214.371</u>	<u>52.940.000.000</u>	<u>218.104.214.371</u>
Tại 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền		141.155.472.477	-	141.155.472.477
Phải thu khách hàng, Phải thu khác		14.354.138.126	-	14.354.138.126
Đầu tư ngắn hạn		4.390.200.740	-	4.390.200.740
Đầu tư dài hạn		-	52.940.000.000	52.940.000.000
	-	<u>159.899.811.343</u>	<u>52.940.000.000</u>	<u>212.839.811.343</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Trên 5 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Từ 1 năm trở xuống	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/06/2014				
Phải trả người bán, Phải trả khác, Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán			2.967.164.353	2.967.164.353
Chi phí phải trả	-	-	2.951.179.097	2.951.179.097
	-	-	<u>5.918.343.450</u>	<u>5.918.343.450</u>
Tại 01/01/2014				
Phải trả người bán, Phải trả khác, Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán			1.755.817.490	1.755.817.490
Chi phí phải trả	-	-	2.603.089.025	2.603.089.025
	-	-	<u>4.358.906.515</u>	<u>4.358.906.515</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

1111C
CÔNG T
NHIỆM H
KIỂM
AS
KIỂM -

26 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	2.696.992.702	809.699.637
	<u>2.696.992.702</u>	<u>809.699.637</u>

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, đầu tư chứng khoán, tư vấn	Hoạt động cho thuê văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	3.968.973.841	3.477.990.494	7.446.964.335
Doanh thu phân bổ	32.662.501	28.621.975	61.284.476
Chi phí trực tiếp	2.087.753.856	2.895.070.332	4.982.824.188
Chi phí phân bổ	1.286.207.836	1.127.097.029	2.413.304.865
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	<u>627.674.650</u>	<u>(515.554.892)</u>	<u>112.119.758</u>
Tổng chi phí mua tài sản	104.468.130.097	70.671.425.209	175.139.555.306
Tài sản bộ phận	-	-	200.958.912.038
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản	<u>104.468.130.097</u>	<u>70.671.425.209</u>	<u>376.098.467.344</u>
Nợ phải trả của các bộ phận	2.821.912.185	-	2.821.912.185
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	4.311.662.415
Tổng nợ phải trả	<u>2.821.912.185</u>	<u>-</u>	<u>7.133.574.600</u>

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

HAN
OAN
MA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Số 46-48 Bà Triệu - Hàng Bài - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Nhận tiền cổ tức			
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Vàng Quốc tế	Công ty nhận đầu tư	2.000.000.000	7.000.000.000
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		509.000.000	-
	Mối quan hệ	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu về cổ tức được chia			
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Vàng Quốc tế	Công ty nhận đầu tư	509.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc	438.875.315	272.830.650
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	90.000.000	108.000.000

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Người lập



Nguyễn Văn Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Dung

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Loan